

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 39
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Solavina (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Solavina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101612880 ngày 21 tháng 02 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nông sản;
- Xây lắp công trình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 39).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch
Ông Lê Trường Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hoài Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Trường Sơn	Ủy viên
Ông Trần Văn Phúc	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Tiến	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Hoài Hưng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015
	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 08 năm 2015
Ông Trần Quốc Hiền	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 08 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến

Số : 62.../2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Solavina, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Solavina tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

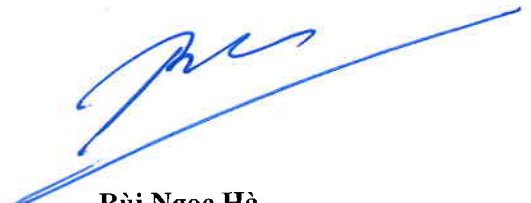


Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.847.652.892	51.549.182.490
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		389.448.787	90.751.560
1.	Tiền	111	V.01	389.448.787	90.751.560
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.975.854.992	38.804.676.136
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	37.190.537.301	33.052.226.092
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	32.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	400.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	13.785.317.691	5.320.450.044
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		22.588.852.206	12.451.468.690
1.	Hàng tồn kho	141	V.06	22.588.852.206	12.451.468.690
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		893.496.907	202.286.104
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	50.500.000	85.079.999
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		839.592.980	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	3.403.927	117.206.105
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.915.018.211	192.833.349.764
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		76.500.000	182.337.658.292
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	76.500.000	182.337.658.292
II.	Tài sản cố định	220		-	10.363.569.555
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	9.477.458.443
	- Nguyên giá	222		-	10.583.137.636
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(1.105.679.193)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	886.111.112
	- Nguyên giá	225		-	1.100.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(213.888.888)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	187.800.000.000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		170.030.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.770.000.000	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		38.518.211	132.121.917
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	38.518.211	132.121.917
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.762.671.104	244.382.532.254

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		53.988.760.759	42.899.240.145
I.	Nợ ngắn hạn	310		53.988.760.759	42.637.073.483
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	45.508.559.563	32.557.388.806
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.717.193.861	755.241.191
4.	Phải trả người lao động	314		53.463.622	62.974.683
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	5.386.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.692.268.137	4.108.640.557
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	-	5.130.166.670
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
II.	Nợ dài hạn	330		-	262.166.662
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	-	262.166.662
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.773.910.344	201.483.292.109
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	208.773.910.344	201.483.292.109
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	83.562.028
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.549.510.254	1.311.795.213
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.258.892.019	253.731.340
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.290.618.235	1.058.063.873
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.762.671.104	244.382.532.254

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền Trang

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Đức Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	79.875.770.690	51.903.180.266
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.875.770.690	51.903.180.266
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	76.631.602.156	49.059.272.451
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.244.168.534	2.843.907.815
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.021.765.024	59.010.715
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	143.481.396	445.228.683
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>143.481.396</i>	<i>445.228.683</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.407.602.661	1.181.335.274
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.714.849.501	1.276.354.573
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	699.544.642	210.570
12.	Chi phí khác	32	VI.06	83.783.241	218.501.270
13.	Lợi nhuận khác	40		615.761.401	(218.290.700)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.330.610.902	1.058.063.873
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.039.992.667	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.290.618.235	1.058.063.873
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	365	210
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	365	210

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016



Giám đốc

Nguyễn Thị Quyền

Nguyễn Thị Huyền Trang

Nguyễn Đức Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.330.610.902	1.058.063.873
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		256.928.144	773.073.444
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.721.305.428)	(59.010.715)
-	Chi phí lãi vay	06		143.481.396	445.228.683
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		2.009.715.014	2.217.355.285
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.892.515.300	(197.216.280.411)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.137.383.516)	(4.055.456.960)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		14.498.920.610	28.598.655.510
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		128.183.705	(159.350.517)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(148.867.396)	465.591.359
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(82.200.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		15.243.083.717	(170.231.685.734)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.000.000)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.308.181.818	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		400.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.300.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.020.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.765.024	25.294.048
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(9.552.053.158)	25.294.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	170.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.219.412.500	10.446.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.087.412.500)	(10.003.462.199)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(524.333.332)	(262.166.668)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.392.333.332)	170.180.371.133
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		298.697.227	(26.020.553)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		90.751.560	116.772.113
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		389.448.787	90.751.560

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huyền Trang

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Đức Tiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nông sản;
- Xây lắp công trình.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết gồm:

<i>Tên Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam	Số 99, ngõ 141, phố Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|--------|
| - Máy móc, thiết bị | 06 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 năm |

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

07. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC chia lợi nhuận sau thuế, BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC như sau: Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực

hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Điều lệ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	306.407.143	80.095.870
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	83.041.644	10.655.690
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	389.448.787	90.751.560

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	170.030.000.000	170.030.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam ^(a)	170.030.000.000	170.030.000.000	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	17.770.000.000	17.770.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng ^(b)	10.750.000.000	10.750.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật ^(c)	3.420.000.000	3.420.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công ^(d)	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-
Cộng	187.800.000.000	187.800.000.000	-	-

(a) Trong năm Công ty đã đầu tư 170.030.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam, tương đương 43,26% vốn điều lệ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

(b) Tổng giá trị khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng của Công ty tăng trong năm là 20.750.000.000 đồng. Trong đó: tăng do góp vốn bằng tài sản theo Biên bản thỏa thuận số 02/2014/BB-SOLAVINA ngày 15 tháng 11 năm 2014 với tổng giá trị tài sản góp vốn là 8.500.000.000 đồng, tăng từ mua cổ phần Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng của ông Đoàn Quang Ảnh với số lượng 1.225.000 cổ phần, tương đương giá mua là 12.250.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HDCN-15 năm 2015. Đồng thời, giá trị khoản đầu tư giảm trong năm là 10.000.000.000 đồng, do Công ty chuyển nhượng lại 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng cho ông Nguyễn Hải Đăng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 10.750.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng, tương đương 1.075.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ sở hữu là 12,95%. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

(c) Trong năm Công ty đã đầu tư 3.420.000.000 đồng (tương đương 342.000 cổ phần) vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật, chiếm 19,00% vốn điều lệ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

(d) Trong năm Công ty đã đầu tư 3.600.000.000 đồng (tương đương 180.000 cổ phần) vào Công ty Cổ phần Thủy Sản Sông Công, chiếm 18,00% vốn điều lệ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	37.190.537.301	33.052.226.092
- Công ty Cổ phần Nông sản Nam Á	31.430.500.000	-
- Công ty TNHH Thép và Vật tư Hoàng Hải	2.705.622.314	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 475	2.693.793.395	1.164.493.395
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư xây dựng	-	30.684.385.460
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	360.621.592	1.203.347.237
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	37.190.537.301	33.052.226.092

04. Phải thu về cho vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	-	400.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Năng Lượng	-	400.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	-	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	13.785.317.691	-	5.320.450.044	-
- Tạm ứng	1.615.387.451	-	2.113.095.802	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	550.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	11.619.930.240	-	3.207.354.242	-
+ Ông Lê Đức Thắng	-	-	755.500.000	-
+ Ông Triệu Văn Hợi	-	-	1.150.000.000	-
+ Ông Nguyễn Hải Đăng	9.980.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Đức Tiến	439.416.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	1.171.520.000	-	1.171.520.000	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Năng Lượng (lãi dự thu)	-	-	53.673.334	-
+ Các khoản phải thu khác	28.994.240	-	76.660.908	-
b. Dài hạn	76.500.000	-	182.337.658.292	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	76.500.000	-	78.358.292	-
- Phải thu khác	-	-	182.259.300.000	-
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn (*)	-	-	170.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Thiên An (**)	-	-	12.259.300.000	-
Cộng	13.861.817.691	-	187.658.108.336	-

(*): Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 86/HĐHTKD ngày 25 tháng 7 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn để đầu tư dự án mở rộng nhà máy luyện kim màu Lào Cai tại xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, công suất 10.000 tấn đồng/năm (đồng đạt tỷ lệ 99,95%), thu hồi vàng, bạc và Axit Sunfuaric 35.000 tấn/năm tại thôn Tà Lạt, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn theo biên bản thỏa thuận ba bên ngày 25 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Solavina, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn và ông Đoàn Quang Ảnh.

(**): Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2011/HĐHTĐT-SOLA ngày 21 tháng 10 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng ngày 26 tháng 02 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Thiên An để triển khai dự án khai thác mỏ đá Khe Dấu thuộc xóm 15, xã Vương Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 173/2015/BBHQQT-SOLA ngày 17 tháng 03 năm 2015, Công ty thực hiện việc rút vốn góp đầu tư khỏi dự án khai thác mỏ đá Khe Dấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	8.958.958	-	8.958.958	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.840.543.388	-	9.420.671.745	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hoá	15.739.349.860	-	3.021.837.987	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	22.588.852.206	-	12.451.468.690	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINATầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	10.038.181.817	544.955.819	10.583.137.636
- Mua lại tài sản thuê tài chính	1.102.000.000	-	1.102.000.000
- Giảm do góp vốn vào công ty liên kết	(8.500.000.000)	-	(8.500.000.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.640.181.817)	(544.955.819)	(3.185.137.636)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	563.409.088	542.270.105	1.105.679.193
- Khấu hao trong năm	70.909.096	2.685.714	73.594.810
- Mua lại tài sản thuê tài chính	397.222.222	-	397.222.222
- Giảm do đầu tư góp vốn	(212.530.003)	-	(212.530.003)
- Thanh lý, nhượng bán.	(819.010.403)	(544.955.819)	(1.363.966.222)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	9.474.772.729	2.685.714	9.477.458.443
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-

08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	213.888.888	213.888.888	213.888.888
- Khấu hao trong năm	183.333.334	183.333.334	183.333.334
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(397.222.222)	(397.222.222)	(397.222.222)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
1. Tại ngày đầu năm	886.111.112	886.111.112	886.111.112
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***09. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	50.500.000	85.079.999
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	8.579.999
- Các khoản khác	50.500.000	76.500.000
b. Dài hạn	38.518.211	132.121.917
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.761.033	49.552.067
- Các khoản khác	13.757.178	82.569.850
Cộng	89.018.211	217.201.916

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA
Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
10. Vay và nợ thuế tài chính							
a. Vay ngắn hạn	5.130.166.670	5.130.166.670	5.350.495.831	10.480.662.501	-	-	-
- Vay ngân hàng	4.468.000.000	4.468.000.000	5.219.412.500	9.687.412.500	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội	4.468.000.000	4.468.000.000	5.219.412.500	9.687.412.500	-	-	-
- Vay đối tượng khác	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Vinam	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-	-
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	262.166.670	262.166.670	131.083.331	393.250.001	-	-	-
+ Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	262.166.670	262.166.670	131.083.331	393.250.001	-	-	-
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	262.166.662	262.166.662	-	262.166.662	-	-	-
b.2. Nợ thuế tài chính	262.166.662	262.166.662	-	262.166.662	-	-	-
+ Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	262.166.662	262.166.662	-	262.166.662	-	-	-
Cộng	5.392.333.332	5.392.333.332	5.350.495.831	10.742.829.163	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLA VINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải trả người bán ngắn hạn	45.508.559.563	45.508.559.563	32.557.388.806	32.557.388.806	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Hà Nội	3.105.394.588	3.105.394.588	122.685.761	122.685.761	
- Công ty TNHH Thép và Thương mại Việt Ý	2.660.929.406	2.660.929.406	-	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xây dựng Hà Nội	608.880.378	608.880.378	1.232.120.999	1.232.120.999	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim	-	-	30.538.599.060	30.538.599.060	
- Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái	10.077.563.100	10.077.563.100	-	-	
- Công ty TNHH MTV Nông sản Linh Anh	13.710.000.000	13.710.000.000	-	-	
- Công ty TNHH Thiên Thành Phát	10.111.500.000	10.111.500.000	-	-	
- Doanh nghiệp tư nhân Huy Hoàng	5.198.400.000	5.198.400.000	-	-	
- Phải trả các đối tượng khác	35.892.091	35.892.091	663.982.986	663.982.986	
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	45.508.559.563	45.508.559.563	32.557.388.806	32.557.388.806	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính: VND					
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	748.368.384	100.670.037	54.631.122	-	794.407.299
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.206.105	-	2.039.992.667	-	-	1.922.786.562
- Thuế thu nhập cá nhân	-	6.872.807	26.348	10.303.082	3.403.927	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	117.206.105	755.241.191	2.144.689.052	68.934.204	3.403.927	2.717.193.861

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	5.386.000
- Chi phí lãi vay	-	5.386.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	-	5.386.000

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	5.692.268.137	4.108.640.557
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	37.839.146	36.170.757
- Bảo hiểm xã hội	109.023.244	200.692.039
- Bảo hiểm y tế	2.985.300	36.923.961
- Bảo hiểm thất nghiệp	796.080	16.310.040
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.341.624.367	3.718.543.760
+ Bà Nguyễn Thị Lan Hương	-	2.789.195.904
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	1.338.943.000	407.809.000
+ Ông Lê Hoài Hưng	70.891.209	111.118.858
+ Bà Nguyễn Thị Quyên	3.628.831.542	23.637.100
+ Bà Bùi Thị Thùy	-	320.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (lãi phải trả)	-	22.600.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Hà Nội	367.000.000	-
+ Các đối tượng khác	35.958.616	44.182.898
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.692.268.137	4.108.640.557

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	83.562.028	87.934.868	253.731.340	30.425.228.236
Tăng vốn trong năm trước	170.000.000.000	-	-	-	170.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	1.058.063.873	1.058.063.873
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	83.562.028	87.934.868	1.311.795.213	201.483.292.109
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	7.290.618.235	7.290.618.235
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	4.372.840	48.530.354	(52.903.194)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	87.934.868	136.465.222	8.549.510.254	208.773.910.344

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông khác:	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
+ Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	56.000.000.000	28,00	56.000.000.000	28,00
+ Công ty CP Đầu tư Xanh Việt Nam	20.000.000.000	10,00	20.000.000.000	10,00
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	20.000.000.000	10,00	20.000.000.000	10,00
+ Ông Triệu Văn Hợi	20.000.000.000	10,00	20.000.000.000	10,00
+ Ông Nguyễn Ngọc Sơn	20.000.000.000	10,00	20.000.000.000	10,00
+ Các đối tượng khác	64.000.000.000	32,00	64.000.000.000	32,00
Cộng	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	170.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm này	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Đơn vị tính: VND
01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	74.046.889.434	39.923.847.720
Doanh thu cung cấp dịch vụ	465.000.000	540.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.363.881.256	11.439.332.546
Cộng	<u>79.875.770.690</u>	<u>51.903.180.266</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.143.497.766	39.013.137.512
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	224.242.427	209.469.697
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.263.861.963	9.836.665.242
Cộng	<u>76.631.602.156</u>	<u>49.059.272.451</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.765.024	59.010.715
- Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	7.000.000.000	-
Cộng	<u>7.021.765.024</u>	<u>59.010.715</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	143.481.396	445.228.683
Cộng	<u>143.481.396</u>	<u>445.228.683</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	487.040.404	-
- Lãi do đánh giá lại tài sản góp vốn vào công ty liên kết	212.500.000	-
- Các khoản khác	4.238	210.570
Cộng	<u>699.544.642</u>	<u>210.570</u>

06. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng vào SXKD	30.000.000	212.500.000
- Chi phí phân bổ CCDC không sử dụng vào SXKD	45.295.311	-
- Các khoản bị phạt chậm nộp	8.486.360	-
- Các khoản khác	1.570	6.001.270
Cộng	<u>83.783.241</u>	<u>218.501.270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.407.602.661	1.181.335.274
- Chi phí nhân viên quản lý	602.738.411	682.444.075
- Chi phí vật liệu quản lý	38.765.864	37.190.827
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.685.714	96.044.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	642.475.938	296.157.131
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	120.936.734	69.499.193
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	1.407.602.661	1.181.335.274

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.039.992.667	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.039.992.667	-

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.330.610.901
Các khoản điều chỉnh tăng	83.781.671
Các khoản phạt chậm nộp	8.486.360
Chi phí KHTSCĐ không phục vụ SXKD	30.000.000
Chi phí CCDC không phục vụ SXKD	45.295.311
Các khoản điều chỉnh giảm	141.698.632
Chuyển lỗ năm 2013	141.698.632
Thu nhập tính thuế TNDN	9.272.693.941
Thuế suất thuế TNDN	22%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.039.992.667

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.290.618.235	1.058.063.873
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.290.618.235	1.058.063.873
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	5.049.315
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	365	210

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.290.618.235	1.058.063.873
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.290.618.235	1.058.063.873
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	5.049.315
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	365	210

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.765.864	3.232.532.422
- Chi phí nhân công	602.738.411	3.227.342.517
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.928.141	560.573.444
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.578.742	6.211.221.869
- Chi phí khác bằng tiền	2.652.567.536	206.369.000
Cộng	4.315.578.694	13.438.039.252

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Góp vốn vào Công ty liên kết bằng bù trừ công nợ 170.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.290.618.235	1.058.063.873
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.290.618.235	1.058.063.873
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	5.049.315
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>365</u>	<u>210</u>

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.765.864	3.232.532.422
- Chi phí nhân công	602.738.411	3.227.342.517
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.928.141	560.573.444
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.578.742	6.211.221.869
- Chi phí khác bằng tiền	2.652.567.536	206.369.000
Cộng	<u>4.315.578.694</u>	<u>13.438.039.252</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Góp vốn vào Công ty liên kết bằng bù trừ công nợ 170.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Vay tiền không tính lãi	1.908.444.000	76.151.000
Các cá nhân có liên quan		
<i>Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng</i> <i>(ùy viên HĐQT)</i>		
Cho vay tiền không tính lãi	-	2.168.982.000
Vay tiền không tính lãi	4.049.046.000	29.700.584

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị		
+ Phải trả phải nộp khác	1.509.834.209	111.118.858
Các cá nhân có liên quan		
<i>Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng</i> <i>(ùy viên HĐQT)</i>		
+ Phải trả phải nộp khác	3.628.831.542	23.637.100
Cộng nợ phải trả	<u>5.138.665.751</u>	<u>134.755.958</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	272.085.012	237.191.547
Cộng	<u>272.085.012</u>	<u>237.191.547</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết và các công ty là cổ đông.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Vinam	Công ty có cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xanh Việt Nam	Cổ đông góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.03, V.05, V.09, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vinam		
- Vay tiền	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
- Vay tiền	-	200.000.000
- Lãi vay phải trả	-	10.066.667
- Trả gốc vay	200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các số dư với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
Phải thu ngắn hạn khác	1.171.520.000	1.171.520.000
Cộng nợ phải thu	1.171.520.000	1.171.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
Vay ngắn hạn	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Vinam		
Vay ngắn hạn	-	200.000.000
Cộng nợ phải trả	-	400.000.000

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán thép;
- Lĩnh vực xây dựng: xây lắp các công trình;
- Lĩnh vực dịch vụ: cho thuê máy xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	74.046.889.434	5.363.881.256	465.000.000	79.875.770.690
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	66.072.036.105	4.896.490.445	192.394.639	71.160.921.189
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	7.974.853.329	467.390.811	272.605.361	8.714.849.501
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	64.915.602	4.557.542	395.098	69.868.242
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	137.982.999	136.001.938	184.199.840	458.184.777
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	70.241.796.227	4.130.552.310	200.873.779	74.573.222.316
- Tài sản không phân bổ				188.189.448.787
Tổng tài sản	70.241.796.227	4.130.552.310	200.873.779	262.762.671.103
- Nợ phải trả bộ phận	53.353.908.813	568.309.109	49.267.261	53.971.485.183
- Nợ phải trả không phân bổ				17.275.576
Tổng nợ phải trả	53.353.908.813	568.309.109	49.267.261	53.988.760.759

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	39.923.847.720	11.439.332.546	540.000.000	51.903.180.266
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	40.218.897.094	10.182.150.099	225.778.500	50.626.825.693
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(295.049.374)	1.257.182.447	314.221.500	1.276.354.573
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	62.896.329	185.232.480	850.720	248.979.529
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	110.082.497	802.423.214	1.488.948	913.994.659
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.858.689.216	20.262.019.672	511.771.806	61.632.480.694
- Tài sản không phân bổ				182.750.051.560
Tổng tài sản	40.858.689.216	20.262.019.672		244.382.532.254
- Nợ phải trả bộ phận	32.984.742.257	9.451.078.921	446.143.391	42.881.964.569
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	17.275.576
Tổng nợ phải trả	32.984.742.257	9.451.078.921	446.143.391	42.899.240.145

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Dự phòng
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	389.448.787	-	90.751.560	389.448.787	90.751.560	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.810.467.541	-	218.518.880.334	48.810.467.541	218.518.880.334	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	400.000.000	-	400.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	49.199.916.328	-	219.009.631.894	49.199.916.328	219.009.631.894	-

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	45.508.559.563	32.557.388.806	45.508.559.563	32.557.388.806
Vay và nợ	-	5.392.333.332	-	5.392.333.332
Chi phí phải trả	-	5.386.000	-	5.386.000
Các khoản phải trả khác	5.541.624.367	3.718.543.760	5.541.624.367	3.718.543.760
Cộng	51.050.183.930	41.673.651.898	51.050.183.930	41.673.651.898

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty khác vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản trong đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	45.508.559.563	-	-	45.508.559.563
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.541.624.367	-	-	5.541.624.367
Cộng	51.050.183.930	-	-	51.050.183.930
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	32.557.388.806	-	-	32.557.388.806
Vay và nợ	5.130.166.670	262.166.662	-	5.392.333.332
Chi phí phải trả	5.386.000	-	-	5.386.000
Các khoản phải trả khác	3.718.543.760	-	-	3.718.543.760
Cộng	41.411.485.236	262.166.662	-	41.673.651.898

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Cho vay	400.000.000	Đầu tư ngắn hạn	121	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135
2	Tạm ứng	2.113.095.802	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Ký quỹ, ký cược dài hạn	78.358.292	Tài sản dài hạn khác	268	Phải thu dài hạn khác	216
4	Góp vốn hợp tác kinh doanh	182.259.300.000	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	Phải thu dài hạn khác	216
5	Quỹ dự phòng tài chính	32.975.576	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014	Số phân loại lại	Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.216.280.411)	(170.000.000.000)	(197.216.280.411)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(170.000.000.000)	170.000.000.000	-

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền Trang

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Đức Tiến